

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ MUA SẮM CÔNG XANH

Lưu Quốc Đạt\*

## Tóm tắt

*Khái niệm mua sắm công xanh còn khá mới mẻ ở nước ta cho dù đã có một số nghiên cứu đề cập đến. Tại nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, các nước Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Trung Quốc, ..., mua sắm công xanh là một trong những công cụ chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. Những chính sách này đồng thời cũng góp phần hướng tới nền kinh tế xanh, các-bon thấp. Bài viết này tập trung xem xét kinh nghiệm chính sách của một số nước phát triển, bao gồm Nhật Bản và Hàn Quốc, bởi các quốc gia này có nhiều điểm tương đồng về văn hóa với Việt Nam.*

**Từ khóa:** Mua sắm công xanh, Nhật Bản, Hàn quốc.

## 1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản là một trong những quốc gia đi đầu trong phong trào bảo vệ môi trường nói chung và “mua sắm xanh” nói riêng. Những quy định liên quan tới chương trình này đã được đưa ra từ những năm 1990.

Năm 2000, chính phủ Nhật Bản đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý về “mua sắm xanh” yêu cầu tất cả các bộ và cơ quan chính phủ phải thực hiện. Khung khổ pháp lý này được hỗ trợ bởi mạng lưới mua hàng xanh<sup>8</sup> (Green Purchasing Network) và các cơ chế khác, bao gồm việc dán nhãn sinh thái (Eco Mark ecolabel<sup>9</sup>). Các chính sách cơ bản xác

định và cung cấp hướng dẫn cơ bản về các loại sản phẩm ưu tiên. Báo cáo hàng năm liên quan tới việc mua sắm hàng hóa thân thiện với môi trường được trình lên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên (UNEP, 2013). Theo nghiên cứu của Ho và các cộng sự (2010), chi tiêu của chính phủ Nhật Bản năm 2005 là 14 ngàn tỷ yên (khoảng 162 tỷ USD), của chính quyền cấp địa phương là 44 ngàn tỷ yên (khoảng 510 tỷ USD), chiếm 17,6% GDP.

Tháng 5/2000, chính phủ Nhật Bản đã ban hành “Luật Khuyến khích mua hàng và dịch vụ xanh”, và có hiệu lực vào tháng 5/2001. Luật yêu cầu chính phủ phát triển chính sách và kế hoạch thực hiện mua sắm xanh, và thiết lập một cơ quan có thẩm quyền để công bố các hướng dẫn về mua sắm công xanh và các tiêu chuẩn sản phẩm. Các mục tiêu của pháp luật bao gồm việc thúc đẩy mua sắm xanh của các tổ chức công cộng (chính phủ, các tổ chức hành chính độc lập, các

\* Lưu Quốc Đạt, Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Đại học quốc gia Hà Nội.

<sup>8</sup> Năm 2015, tổng số thành viên của Nhật Bản trong mạng lưới này là 2374 (theo <http://www.igpn.org>).

<sup>9</sup> Eco-Label là chính sách về chất lượng sản phẩm được cộng đồng Châu Âu xây dựng vào năm 1992. Biểu tượng của Eco-Label là nhành hoa màu xanh tượng trưng cho cây xanh. Nhờ Eco-Label, người sử dụng có thể yên tâm rằng các sản phẩm họ sử dụng là thực sự “xanh”, tức là các sản phẩm hoàn toàn thân thiện với môi trường.

Eco Mark (Dấu Sinh thái): Hiệp hội Môi trường Nhật Bản phát triển các tiêu chuẩn môi trường và cho phép các sản

phẩm được có biểu tượng Dấu Sinh thái. Các tiêu chuẩn để cấp giấy chứng nhận xem xét các ảnh hưởng đến môi trường trong suốt vòng đời của mỗi sản phẩm

trường đại học quốc gia, vv), cung cấp thông tin về hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường, nhằm giảm thiểu tác động môi trường và khuyến khích một sự thay đổi trong nhu cầu tới các hàng hóa này.

Từ năm 2001, chính phủ Nhật Bản đã xác định hơn 250 sản phẩm mua sắm xanh trong 19 loại sản phẩm. Các loại sản phẩm này bao gồm các loại sản phẩm giấy sao chép và in ấn, văn phòng phẩm và vật tư văn phòng, nội thất văn phòng, thiết bị văn phòng tự động, thiết bị chiếu sáng, ô tô, đồng phục và quần áo làm việc, vật liệu xây dựng và dịch vụ, ...

Trong năm 2007, các Bộ, chính quyền trung ương, chính quyền 47 tỉnh, 12 thành phố được lựa chọn, và 68% của 700 chính quyền cơ sở đã tiến hành mua sắm xanh (con số này là 69% năm 2014 - trong đó 82,9% phường, thành phố, 54,1% thị trấn và làng mạc đã thực hiện mua sắm xanh nhiều hơn một mục trong mỗi loại<sup>10</sup>), và 95% các sản phẩm đã mua trong các danh mục được chỉ định là sản phẩm xanh, 80,3% các công ty đã thực hiện mua sắm xanh (2013)<sup>11</sup>. Để hướng dẫn việc mua hàng của chính phủ, chương trình mua sắm công xanh của Nhật Bản đã thông qua các tiêu chí sản phẩm chủ yếu là từ các chương trình "Ecomark ecolabeling" (94%), Energy Star<sup>12</sup> (37%) và các tiêu chuẩn và cơ sở dữ liệu khác (28%) đặc biệt ban hành cho các chương trình mua sắm công xanh. Thêm vào đó, cũng vào

năm 2007 chính phủ Nhật Bản đã ban hành "Luật Hợp đồng Xanh" nhằm thúc đẩy ký kết các hợp đồng giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Luật này quy định các yêu cầu đối với các cơ quan chính phủ và tổ chức công trong việc ký kết các hợp đồng mua bán năng lượng điện, xe ô tô, các dự án của công ty dịch vụ năng lượng và thiết kế xây dựng. Mặc dù Luật Hợp đồng Xanh tập trung vào việc giảm khí thải nhà kính từ sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ cụ thể, Luật này bổ sung Luật Thúc đẩy mua hàng xanh trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý của Nhật Bản trong mua sắm công xanh. Và khi kết hợp với chương trình "eco-labeling" và mạng lưới mua sắm xanh, hai luật này cung cấp ưu đãi và kích thích trong việc mua sắm xanh ở Nhật Bản.

Trong năm 2008, với kế hoạch thành lập một xã hội theo định hướng tái chế 2 (Recycling-oriented Society II), Bộ Môi trường Nhật Bản đã đặt ra một số mục tiêu cần đạt được vào năm 2015 bao gồm: 90% công chúng có nhận thức về giảm thải, tái chế và mua hàng xanh, trong số này 50% sẽ có hành động để giảm thiểu chất thải, tái chế, và thực hiện mua hàng xanh; tất cả chính quyền địa phương, 50% các công ty cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tokyo, Osaka và Nagoya, hoặc 30% các công ty tư nhân hoặc cơ sở kinh doanh với hơn 500 nhân viên, sẽ thực hiện một cách hệ thống mua hàng xanh.

Sách trắng về môi trường năm 2009 của Nhật Bản cho thấy trong khi nhận thức của người tiêu dùng về mua sắm xanh ở mức cao 82%, hành động về mua sản phẩm tái chế hoặc mua sắm xanh là thấp, chỉ trên 10%. Những phát hiện này cho thấy có một khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành vi của người tiêu dùng.

Năm 2009, chính phủ Nhật Bản đã giới thiệu hệ thống "Điểm môi trường" (Ecopoints System), như một phần của các biện pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế và cung cấp các sản phẩm

<sup>10</sup> Nguồn: cuộc khảo sát được tiến hành bởi Bộ Môi trường trong năm 2014

<sup>11</sup> Nguồn: cuộc khảo sát được tổ chức bởi Bộ Môi trường trong năm 2013

<sup>12</sup> Chương trình Energy Star là một chương trình quốc tế của Chính phủ Hoa Kỳ khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm tiêu dùng có tính năng tiết kiệm năng lượng. Chương trình được Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) thành lập năm 1992 như một phần trong nỗ lực tiết kiệm năng lượng và cắt giảm bức xạ khí hiệu ứng nhà kính. Thông thường, nhãn Energy Star được tìm thấy trên các mặt hàng như máy vi tính, ti vi, máy in, máy photocopy và máy nghe đĩa DVD. Những sản phẩm nào được gắn nhãn này có nghĩa nó tiết kiệm điện hơn những sản phẩm không có nhãn ít nhất là 20% điện năng tiêu thụ).



xanh. Hệ thống này bao gồm các thiết bị gia dụng điện như: tủ lạnh, điều hòa không khí và tivi. Người tiêu dùng mua thiết bị gia dụng điện tiết kiệm năng lượng cao sẽ nhận được điểm môi trường. Các điểm này có thể được sử dụng để mua các phiếu quà tặng, sản phẩm địa phương hoặc các sản phẩm xanh. Trong năm 2010, hệ thống Điểm môi trường đã mở rộng phạm vi bao gồm cả việc mua nhà ở có hiệu quả năng lượng cao và trang bị thêm các cửa sổ cách nhiệt. Bởi vì những vụ mua bán dẫn đến giảm chi phí trong giai đoạn sử dụng các sản phẩm, hệ thống điểm môi trường đã được hoan nghênh rộng rãi bởi người tiêu dùng Nhật Bản. Cũng trong năm 2009, việc khuyến khích kinh tế cho việc mua sản phẩm sinh thái đã được mở rộng đến các loại xe. Tùy thuộc vào hiệu quả nhiên liệu và hiệu suất khí thải, thuế môn bài và thuế nghĩa vụ đặc biệt được giảm, điều này cung cấp các khoản trợ cấp cho việc mua các loại xe. Tuy nhiên, hệ thống này đã kết thúc vào cuối năm 2010.

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) đã đưa ra khái niệm "dấu ấn carbon" (carbon footprinting) năm 2009 và đã thu hút sự quan tâm trên toàn thế

giới. Năm 2010, danh mục sản phẩm có hiển thị biểu tượng dấu ấn carbon đã được đưa ra, bao gồm 45 loại - với 94 sản phẩm.

Năm 2010, các doanh nghiệp xanh Nhật Bản đã thành lập "Liên đoàn Doanh nghiệp Xanh Nhật Bản" như một nền tảng kinh doanh xanh nhằm: Kích hoạt các cộng đồng địa phương thông qua các doanh nghiệp xanh; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ trong việc phát triển các doanh nghiệp xanh; Tạo công ăn việc làm cho người già và người tàn tật; Thúc đẩy sự đổi mới sinh thái; Tổ chức mạng lưới thúc đẩy kinh doanh xanh; và Đề xuất các chính sách môi trường cho các đảng chính trị cầm quyền để thúc đẩy các doanh nghiệp xanh (IGPN, 2010).

Các công ty Nhật Bản đã bắt đầu kết hợp các hoạt động về "carbon bù đắp" vào các sản phẩm và dịch vụ của họ như một phần của các hoạt động quan hệ công chúng của họ. Tại hội nghị quốc tế tổ chức tại Nhật Bản, chẳng hạn như: tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 10 và Hội nghị các Bên tham gia Công ước Đa dạng sinh học (COP10), các hoạt động bù đắp carbon đã được đưa vào xem xét.

**Bảng 1. Tổng quan chi tiêu công xanh của Nhật Bản**

| Mua sắm công xanh | Luật Khuyến khích mua sản phẩm sinh thái                                                                        | Các Luật liên quan đến xúc tiến các hợp đồng giảm phát thải khí nhà kính của nhà nước và các cơ quan khác (Luật Hợp đồng xanh) |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm ban hành      | 2000                                                                                                            | 2007                                                                                                                           |
| Năm thực thi      | 2001                                                                                                            | 2007                                                                                                                           |
| Phạm vi ứng dụng  | Tất cả các Bộ; 47 chính quyền quận; 12 thành phố được chỉ định và 68% của 700 chính quyền địa phương/thành phố. | Lãnh đạo của từng Bộ hoặc khu vực công, và lãnh đạo của các cơ quan hành chính độc lập                                         |
| Định hướng        | Phát triển chính sách mua sắm xanh, kế hoạch thực hiện và thiết                                                 | Sử dụng các vấn đề cơ bản liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính                                                       |

|                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| hoạt động                                     | lập một cơ quan có thẩm quyền để công bố các hướng dẫn về mua sắm công xanh và các tiêu chuẩn sản phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | và những chất thải khác cho danh mục được liệt kê dưới các hợp đồng, với ưu tiên hàng đầu vào việc giảm phát thải khí nhà kính và những chất thải khác.<br><br>Xuất bản một bản tóm tắt của các hợp đồng mà đã đưa ra các địa chỉ giảm phát thải khí nhà kính và những chất thải khác, và thông báo cho Bộ môi trường về việc công bố này. |
| Các danh mục sản phẩm bao gồm (tháng 4, 2009) | 17 danh mục (214 mặt hàng):<br>Giấy (8 mặt hàng), Văn phòng phẩm (79 mặt hàng), Nội thất văn phòng (10 mặt hàng), Máy móc văn phòng tự động hóa (13 mặt hàng), Thiết bị gia dụng điện tử (4 mặt hàng), Máy điều hòa không khí (3 mặt hàng), máy nước nóng (4 mặt hàng), thiết bị chiếu sáng (3 mặt hàng), phương tiện đi lại (5 mặt hàng), bình chữa cháy (1 mặt hàng), đồng phục và quần áo làm việc (2 mặt hàng), đèn chiếu sáng nội thất /giường (9 mặt hàng), găng tay làm việc (1 mặt hàng), sản phẩm sợi khác (3 mặt hàng), thiết bị (4 bài), dự án công trình (58 mặt hàng), dịch vụ (7 mặt hàng). | Năng lượng điện<br>Ô tô<br>Dự án công ty dịch vụ năng lượng<br>Thiết kế xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Các sản phẩm mua sắm ưu đãi                   | Các nhãn môi trường được cung cấp bởi các tổ chức bên thứ ba, như Eco-Mark và Eco-Leaf, 94% từ Eco-Mark                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Các kết quả                                   | Trong năm 2007, 95% các sản phẩm đã mua trong các danh mục được chỉ định là các sản phẩm đạt chất lượng xanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

Nguồn: Ho và các cộng sự (2010)



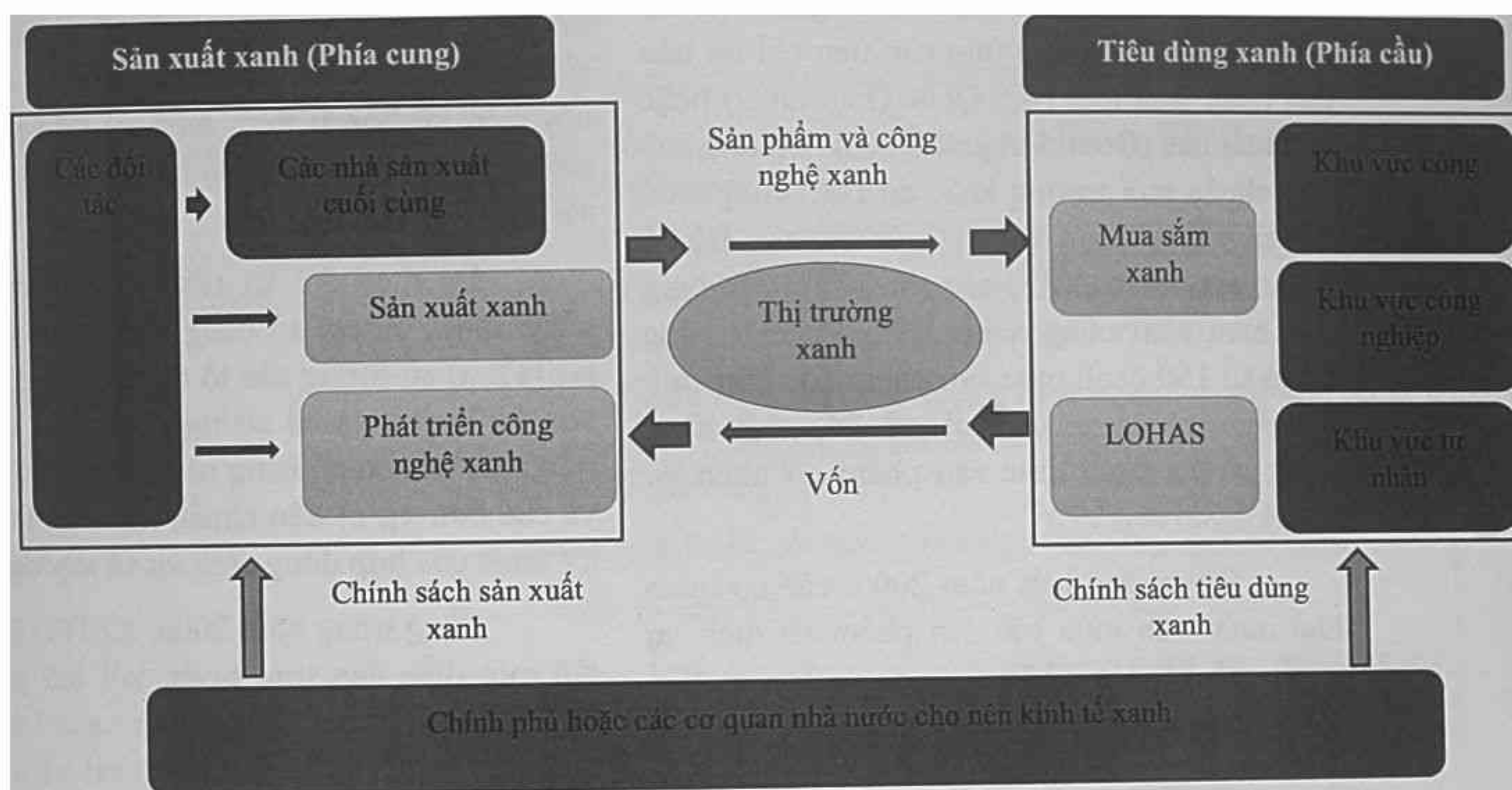
## 2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Cùng với Nhật Bản, Hàn Quốc cũng là quốc gia thực hiện và áp dụng các chính sách về mua sắm xanh từ rất sớm. Hệ thống chi tiêu xanh của Hàn Quốc là hệ thống kép, bao gồm: hệ thống chi tiêu xanh tập trung (centralized) và phi tập trung (decentralized). Trong đó, hệ thống chi tiêu xanh tập trung được thực thi bởi cơ quan Dịch vụ mua sắm công Hàn Quốc (Korea Public Procurement Service), hoạt động thông qua hệ thống mua sắm trực tuyến

(Online E-Procurement System - KONEPS), và hiện chiếm 30% tổng lượng chi tiêu xanh. Hệ thống chi tiêu xanh phi tập trung chịu quản lý của các cơ quan Nhà nước riêng lẻ, hoạt động thông qua các hệ thống mua sắm riêng tương ứng, và hiện chiếm 70% tổng số mua sắm công.

Mua sắm xanh kích thích nhu cầu về các sản phẩm xanh, do đó tạo ra một vòng chu kỳ giữa sản xuất và tiêu dùng (như trong Hình 1).

**Hình 1: Chu kỳ sản xuất và tiêu dùng xanh**



Chương trình dán nhãn môi trường bắt đầu được triển khai từ năm 1992 và đây là điểm khởi đầu chính thức của chính sách về sản phẩm xanh tại quốc gia này. Ngoài ra, Chính phủ đã có những nghiên cứu nhằm liên kết hệ thống dán nhãn môi trường với hệ thống mua sắm công và đã đạt được những kết quả rõ rệt. Không những vậy, Hàn Quốc luôn coi những nhà sản xuất là nhà tiêu dùng lớn.

Thông qua những hợp đồng tự nguyện về mua sắm xanh sẽ gắn kết việc mua các nguyên liệu tái sinh, góp phần thúc đẩy sản xuất và bán ra sản phẩm thân thiện môi trường.

Luật mua sắm xanh đã được chính phủ Hàn Quốc thông qua vào tháng 12 năm 2004 và được thi hành kể từ tháng 7 năm 2005. Nội dung của Luật bao gồm một loạt các chính sách liên quan tới mua sắm công xanh, hợp



đồng kinh doanh tự nguyện về mua sắm xanh, và chương trình hợp tác cửa hàng bán lẻ xanh. Luật này yêu cầu Bộ Môi trường ban hành hướng dẫn mua sắm các sản phẩm sinh thái hàng năm, và đảm bảo rằng các cơ quan chính phủ công bố kế hoạch và thực tiễn về mua sắm công xanh của họ hàng năm. Khi tiến hành mua sắm công xanh, các cơ quan chính phủ phải ưu tiên mua sản phẩm xanh trong các danh mục sản phẩm được chỉ định. Nhãn “Eco-labeling” và nhãn “Good Recycle” được sử dụng làm tiêu chí để xác định các sản phẩm xanh. Hay nói rõ hơn, các sản phẩm và dịch vụ được áp dụng cho việc mua sắm công xanh theo Luật mua sắm xanh bao gồm: (i) có chứng nhận hoặc đáp ứng các tiêu chí cơ bản của nhãn sinh thái Hàn Quốc (Eco-label) hoặc nhãn tái chế (Good Recycled); (ii) đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường khác do Bộ Tài nguyên đưa ra với sự tham khảo ý kiến của các Bộ có liên quan. Năm 2013, các sản phẩm áp dụng cho mua sắm công xanh là 9,799 mặt hàng trong số 150 danh mục sản phẩm có nhãn sinh thái Hàn Quốc (Eco-label) và 247 mặt hàng trong số 16 danh mục sản phẩm có nhãn tái chế (Good recycled)<sup>13</sup>.

Theo Đạo luật năm 2005, các cơ quan nhà nước nên mua các sản phẩm và dịch vụ xanh mà đã dán nhãn sinh thái. Trong năm 2012, có khoảng 870 tổ chức với khoảng 30.000 đơn vị trực thuộc chịu sự chi phối điều luật này. Việc mua sắm xanh có thể được thực hiện theo hai cách: a) từng tổ chức trực tiếp mua các sản phẩm và dịch vụ xanh. Trong trường hợp tổng số tiền mua hàng vượt quá ngưỡng nhất định, việc mua được thực hiện bởi cơ quan Dịch vụ Mua sắm công Hàn Quốc (PPS), đây một cơ quan mua sắm công tập trung; b) từng tổ chức yêu cầu các nhà thầu để mua sản phẩm xanh trong việc cung cấp các

dịch vụ (ví dụ như xây dựng, dịch vụ MRO) thông qua việc bổ sung các điều kiện về mua sắm xanh trong hợp đồng. Các nhóm sản phẩm là sự kết hợp các loại sản phẩm xanh khác nhau, từ các thiết bị điện tử, đồ dùng văn phòng, đồ nội thất và vật liệu xây dựng, vv...

Viện Công nghiệp và Công nghệ Môi trường Hàn Quốc Viện (KEITI) liên kết với Bộ Môi trường trong việc vận hành hệ thống mua sắm công xanh và nhãn sinh thái Hàn Quốc (Ecolabel). Trong đó KEITI chịu trách nhiệm đối chiếu kế hoạch thực hiện mua sắm xanh từ các cơ quan nhà nước và theo dõi kết quả thực hiện. KEITI đã tiến hành theo dõi tiến trình mua sắm công xanh thông qua 03 chỉ số, bao gồm: (i) số lượng các tổ chức công đã nộp bản kế hoạch thực hiện và bản ghi hiệu suất thực hiện; (ii) tổng số lượng và giá trị mua sắm xanh hàng năm; (iii)

Để theo dõi sự tiến bộ của mua sắm công xanh, ba chỉ số đang được theo dõi bởi KEITI: a) số lượng các tổ chức công cộng mà nộp kế hoạch và hồ sơ thực hiện; b) tổng số tiền mua sắm xanh hàng năm về giá trị kinh tế và các đơn vị; c) tiêu chuẩn xanh và thông số kỹ thuật của hợp đồng dịch vụ và xây dựng.

Cũng trong năm 2005, KEITI đã thành lập một diễn đàn trực tuyến với tên gọi “Hệ thống thông tin các sản phẩm xanh” (GPIS), nhằm giúp cho quá trình giám sát và báo cáo dữ liệu từ các tổ chức được dễ dàng và thuận tiện. Thông qua hệ thống này, các hồ sơ mua sắm công xanh thông qua cơ quan Dịch vụ Mua sắm công Hàn Quốc (PPS) được tự động chuyển đến GPIS. Theo báo cáo của KEITI năm 2015, có khoảng 60% dữ liệu mua sắm xanh của Hàn Quốc được tự động thông báo qua GPIS.

Các dữ liệu mua sắm công xanh của các tổ chức được đăng tải trên trang web của Bộ Môi trường và GPIS để công chúng dễ

<sup>13</sup> Nguồn: Viện Công nghiệp và Công nghệ Môi trường Hàn Quốc (KEITI).

dàng truy cập và so sánh kết quả. Thêm vào đó, các dữ liệu này thường được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông lớn của Hàn Quốc, như là để khuyến khích sự cạnh tranh giữa các tổ chức công. Trong năm 2013, 96,4% các cơ quan nhà nước gửi bản kế hoạch thực hiện và 97,7% các tổ chức báo cáo kết quả thực hiện.

Việc thực hiện Luật mua sắm xanh kể từ năm 2005, đã dẫn đến một sự gia tăng lớn trong số tiền mua sắm công xanh của khu vực công của Hàn Quốc, cụ thể con số này tăng nhanh từ 255 triệu USD (năm 2004) tới 2,04 triệu USD (năm 2013).

**Bảng 2. Tổng quan chính sách chỉ tiêu công xanh của Hàn Quốc**

| Mua sắm công xanh                             | Luật khuyến khích mua sắm phẩm sinh thái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm ban hành                                  | 2004                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Năm thực thi                                  | 2005                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Phạm vi ứng dụng                              | Tất cả các cơ quan chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Định hướng hoạt động                          | Ưu tiên mua các sản phẩm xanh trong các danh mục sản phẩm được chỉ định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Các danh mục sản phẩm bao gồm (tháng 4, 2009) | <p>+ 85 mặt hàng đủ điều kiện theo ghi nhãn sinh thái Chương trình Hàn Quốc, gồm: Các thiết bị văn phòng, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng hóa công nghiệp, vv.</p> <p>+ 224 mặt hàng đủ chất lượng theo nhãn "Good Recycled", gồm: giấy thải, sản phẩm chất thải nhựa, sợi thải, sản phẩm cao su phế thải,</p> <p>+ 48 mặt hàng có nhãn tiết kiệm năng lượng, bao gồm:</p> <p>Thiết bị gia dụng và văn phòng tiết kiệm điện (15)</p> <p>Trang thiết bị và nguyên vật liệu có hiệu quả năng lượng cao (23)</p> <p>Các sản phẩm tiêu thụ năng lượng hiệu quả có các nhãn bắt buộc (11)</p> |
| Các sản phẩm mua sắm ưu đãi                   | <p><u>Nhãn sinh thái (Ecolabelling mark):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- mua thích hợp hơn đối với các cơ quan chính phủ</li> <li>- các tổ chức công phải sử dụng bắt buộc các hàng hóa liên quan đến nguồn nước sạch (water-related goods).</li> </ul> <p><u>Nhãn tái chế (Good recycle):</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- bắt buộc mua đối với các cơ quan chính phủ</li> <li>- hệ thống giá phân biệt (10%).</li> </ul> <p>Trợ cấp tài chính:</p>                                                                                                           |



|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc để hỗ trợ phát triển công nghệ</li> <li>- Quỹ công nghiệp cơ bản, cấp vốn phát triển công nghệ trên cơ sở công nghiệp</li> <li>- Tái cơ cấu nguồn vốn cho các doanh nghiệp cỡ vừa</li> <li>- Sử dụng quỹ năng lượng hợp lý</li> <li>- Kinh phí duy trì ngành công nghiệp tái chế</li> <li>- Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ</li> <li>- Kinh doanh</li> </ul> <p><b>Nhãn tiếp kiệm năng lượng (Energy Saving Mark):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt buộc sử dụng đối với các cơ quan chính phủ</li> <li>- Bắt buộc sử dụng các thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao cho xây dựng</li> <li>- Hỗ trợ tài chính</li> <li>- Hỗ trợ kinh phí cho các công ty lắp đặt và sản xuất</li> <li>- Giảm thuế cho sự đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng (10%)</li> <li>- Hỗ trợ phí kiểm tra lấy chứng nhận cho các doanh nghiệp vừa (hai lần mỗi năm)</li> </ul> |
| Các kết quả | Tổng chi tiêu chính phủ xanh của Hàn Quốc tăng từ 255 triệu USD (năm 2004) tới 2,04 triệu USD (năm 2013).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

Nguồn: Ho và các cộng sự (2010)

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Môi trường Nhật Bản: <https://www.env.go.jp/en/>
- Ho, L. Dickinson, N. and Chan, G. (2010) Green procurement in the Asian public sector and the Hong Kong private sector. Natural Resources Forum 34.
- Hyunju Lee (2014). Korea's combined approach of Green Public Procurement and Ecolabelling. Green Product Promotion Office Korea Environmental Industry and Technology Institute (KEITI). Republic of Korea. <http://www.scpclearinghouse.org/>
- International Green Purchasing Network (IGPN). Green purchasing: the new growth frontier – policies and programmes to enhance green business growth in Asia, Europe and United States, 2010.
- Linda W.P. Ho, Nicholas M. Dickinson and Gilbert Y.S. Chan. Green procurement in the Asian public sector and the Hong Kong private sector. Natural Resources Forum 34 (2010) 24-38.
- Mạng lưới mua sắm xanh quốc tế (IGPN). <http://www.igpn.org/>
- United Nations Environment Programme (UNEP). Sustainable public procurement: a global review, 2013. ISBN: 978-92-807-3332-7.
- Viện Công nghiệp và Công nghệ Môi trường Hàn Quốc (KEITI): <http://www.keiti.re.kr/>